

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
KHU VỰC 1 – HUNG YÊN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 05/2026/DSST
Ngày 07 tháng 01 năm 2026
“V/v tranh chấp hôn nhân và gia đình”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TOÀ ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 1 - HUNG YÊN
Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

- *Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Bà **Hoàng Thị Ái**
- *Các hội thẩm nhân dân:* Ông **Trần Quang Chủ**
Bà **Dương Thị Thu Hồng**

Thư ký Tòa án phiên tòa: Ông **Dương Mạnh Hùng** – Thư ký Tòa án
Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 1 – Hưng Yên tham gia phiên
tòa: Bà **Lê Thị Huyền** - Kiểm sát viên

Ngày 07 tháng 01 năm 2026, tại trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 1- Hưng Yên xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 154/2025/TLST-HNGĐ ngày 09/10/2025 về việc tranh chấp hôn nhân và gia đình theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 82/2025/HNGĐ - QĐXX ngày 03/12/2025 và Quyết định hoãn phiên tòa số 45/2025/QĐST-HNGĐ ngày 19/12/2025 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Chị **Đào Thị V**, sinh năm 1989

Trú tại: ĐQ, PNL, Hưng Yên

Bị đơn: Anh **Lê Duy Tr**, sinh năm 1988

Trú tại: LM, PNL, Hưng Yên

Chị V có đơn đề nghị xét xử vắng mặt, anh Tr vắng mặt

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện ngày 30/9/2025 của chị V và các lời khai của chị V trong quá trình giải quyết vụ án thể hiện như sau: Trước khi lấy anh Tr, cả hai cũng đã có gia đình, do không hạnh phúc nên đã ly hôn, vì cảm thông hoàn cảnh nên quyết định tiến tới hôn nhân, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Phù Ủng (nay là xã Phạm Ngũ Lão), tỉnh Hưng Yên vào năm 2020. Sau khi cưới vợ chồng sinh sống cùng gia đình anh Tr, cuộc sống vợ chồng không hòa thuận, nguyên nhân do anh Tr mãi chơi, không tu chí làm ăn, có nhiều mối quan hệ không đúng mực bên ngoài, bản thân chị cũng nhiều lần trả nợ thay cho anh Tr, khi không trả nợ thì anh Tr chửi, đánh chị, gia đình cũng không khuyên bảo được anh Tr, do cuộc sống tồn tại nhiều mâu thuẫn không tự giải quyết được nên từ đầu năm 2025 đến nay vợ chồng sống ly thân, hai bên chấm dứt mọi quan hệ,

không ai còn quan tâm đến ai, nay chị xác định không còn tình cảm đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn anh Tr càng sớm càng tốt. Về con chung: Không có con chung. Về tài sản chung, công nợ, công sức: Không yêu cầu giải quyết.

Đại diện gia đình anh Tr (bà Oanh) trình bày: Bà là mẹ đẻ anh Tr, mẹ chồng chị V. Trước khi đến với nhau thì anh Tr và anh V đều đã có gia đình nhưng không hạnh phúc nên đã ly hôn, vì cảm thông hoàn cảnh của nhau nên chị V, anh Tr đã quyết định tiến tới hôn nhân, có đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật vào năm 2020. Sau kết hôn vợ chồng anh Tr làm ăn, sinh sống cùng gia đình, gia đình đối xử tốt và bản thân chị V cũng chưa vất vả gì trong cuộc sống gia đình, công việc đồng áng, cơm nước đều do bà lo liệu, vợ chồng anh Tr cũng tồn tại nhiều mâu thuẫn, nguyên nhân do kinh tế, vợ chồng đánh cãi, chửi nhau, khoảng tháng 04/2025 vợ chồng sống ly thân, chị V không quay về gia đình ở nữa, việc ly hôn do vợ chồng anh Tr tự quyết định. Vợ chồng anh Tr, chị V không có con chung. Vợ chồng anh Tr, chị V có hay không có tài sản chung gia đình không biết. Hiện nay anh Tr đi làm nên bà sẽ nhận thay các văn bản tố tụng của Tòa án, bà cam đoan sẽ thông báo nội dung và giao lại cho anh Tr. quan điểm anh Tr nói lại với bà: Về tình cảm đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật. Vợ chồng không có con chung và tài sản chung.

Xác minh với thôn và chính quyền địa phương thể hiện: Năm 2020, anh Tr, chị V có đăng ký kết hôn và có chung sống cùng nhau tại thôn La Mát, xã Phạm Ngũ Lão, tỉnh Hưng Yên. Trong cuộc sống vợ chồng anh Tr, chị V có mâu thuẫn gì nảy sinh hay không địa phương không nắm được, qua công tác nắm bắt tình hình an ninh trật tự ở địa phương thì hiện nay vợ chồng chị V, anh Tr không chung sống cùng nhau. Vợ chồng chị V không có con chung. Vợ chồng chị V có hay không có tài sản chung, địa phương không nắm được.

Tại phiên tòa: Chị V có đơn đề nghị xét xử vắng mặt, anh Tr được triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vắng mặt không có lý do, HĐXX căn cứ Điều 227, 228 và Điều 238 BLTTDS xét xử vắng mặt nguyên đơn, bị đơn.

Phát biểu của Kiểm sát viên tham gia phiên tòa:

- Việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký: Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký đảm bảo đúng thành phần theo các quy định của BLTTDS về việc giải quyết, xét xử sơ thẩm vụ án.

- Việc tuân theo pháp luật tố tụng của người tham gia tố tụng dân sự trong quá trình giải quyết vụ án, kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án: Nguyên đơn, người làm chứng đã thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ tố tụng theo quy định tại Điều 70, 71, 78 Bộ luật Tố tụng dân sự. Bị đơn đã triệu tập đến tham gia phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận không khai chứng cứ và hoà giải nhưng anh Tr vắng mặt, không có lý do đã vi phạm khoản 15,16 Điều 70, Điều 72 Bộ luật Tố tụng dân sự.

- Căn cứ vào các tình tiết, tài liệu, chứng cứ trong hồ sơ vụ án. Căn cứ vào Điều 28, Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự;

Điều 51, Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình. Nghị quyết số 326 của UBTVQH về án phí, lệ phí của Tòa án. Đề nghị giải quyết vụ án theo hướng:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn

- Về quan hệ hôn nhân: Giải quyết cho chị Đào Thị V được ly hôn với anh Lê Duy Tr.

- Về con chung: Không giải quyết.

- Về tài sản chung; công sức, ruộng cấy, nợ chung: Không giải quyết.

- Về án phí: Chị Đào Thị V phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi đã nghiên cứu các chứng cứ, tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa, trên cơ sở xem xét toàn diện ý kiến của đương sự, quan điểm của Kiểm sát viên tham gia phiên tòa. Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] *Về thẩm quyền*: Chị Đào Thị V có đơn khởi kiện đề nghị Tòa án xem xét giải quyết ly hôn giữa chị V với anh Lê Duy Tr. Tòa án xác định đây là quan hệ tranh chấp về hôn nhân và gia đình. Bị đơn trong vụ án là anh Lê Duy Tr có hộ khẩu thường trú tại thôn La Mát, xã Phạm Ngũ Lão, tỉnh Hưng Yên nên căn cứ vào Điều 28; Điều 35 của BLTTDS và Nghị quyết 01/2025/NQ-HĐTP ngày 27/6/2025 của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân Tối cao hướng dẫn áp dụng một số quy định về tiếp nhận nhiệm vụ, thực hiện thẩm quyền của Tòa án nhân dân các cấp, Tòa án nhân dân khu vực 1 – Hưng Yên thụ lý giải quyết vụ án là đúng quy định của pháp luật.

[2] *Về việc kết hôn của chị V, anh Tr*: Chị V, anh Tr lấy nhau trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Phù Ủng, huyện Ân Thi, tỉnh Hưng Yên (nay là xã Phạm Ngũ Lão, tỉnh Hưng Yên) vào năm 2020, việc kết hôn của anh chị đảm bảo các quy định của pháp luật. Do vậy hôn nhân của chị V, anh Tr là hợp pháp được pháp luật bảo vệ. Chị V có đơn xin ly hôn sẽ áp dụng Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 để giải quyết.

[3] *Về mâu thuẫn vợ chồng*: Qua lời trình bày của đương sự cũng như quan điểm trình bày của đại diện gia đình, xác minh với chính quyền địa phương thấy rằng thực tế cuộc sống vợ chồng chị V, anh Tr không hoà thuận, hạnh phúc, vợ chồng tồn tại nhiều mâu thuẫn, hai bên không tự giải quyết được, hiện nay đã sống ly thân và chấm dứt mọi quan hệ, khi Tòa án mở phiên hòa giải để tháo gỡ những mâu thuẫn đang tồn tại trong cuộc sống vợ chồng nhưng anh Tr không tham gia, điều đó thể hiện anh Tr không chấp hành pháp luật, không có thiện chí hàn gắn tình cảm, tình cảm vợ chồng không còn, hôn nhân đã lâm vào tình trạng trầm Tr, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên căn cứ vào Điều 51, Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình, do vậy cần chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị V là phù hợp với pháp luật và thực tế cuộc sống vợ chồng.

[4] *Về con chung*: Chị V, anh Tr không có con chung nên HĐXX không xem xét, giải quyết.

[5] Về tài sản chung, công nợ, công sức: Chị V không yêu cầu giải quyết nên HĐXX không xem xét giải quyết

[6] Về án phí: Chị V phải chịu án phí ly hôn theo quy định của pháp luật.
Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ: Điều 28, Điều 35, Điều 39, khoản 4 Điều 147, Điều 227, 228 và Điều 238 của BLTTDS; Điều 51, khoản 1 Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình; Nghị quyết 01/2025/NQ-HĐTP ngày 27/6/2025 của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân Tối cao hướng dẫn áp dụng một số quy định về tiếp nhận nhiệm vụ, thực hiện thẩm quyền của Tòa án nhân dân các cấp, Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Về quan hệ vợ chồng: Xử cho chị Đào Thị V được ly hôn anh Lê Duy Tr.

2. Về con chung: Không xem xét, giải quyết.

3. Về tài sản chung, công nợ, công sức: Không giải quyết.

4. Về án phí: Chị V phải chịu 300.000 đồng án phí sơ thẩm dân sự ly hôn, đối trừ số vào tiền tạm ứng án phí 300.000 đồng mà chị V đã nộp theo biên lai thu tiền số 0001922 ngày 09/10/2025 của Thi hành án dân sự tỉnh Hưng Yên. Chị V đã nộp đủ án phí DSST.

5. Về quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc từ ngày niêm yết bản án tại nơi cư trú.

Nơi nhận

- Tòa án nhân dân tỉnh Hưng Yên;
- VKS khu vực I- Hưng Yên;
- Các đương sự;
- UBND xã Phạm Ngũ Lão, Hưng Yên;
- Thi hành án dân sự tỉnh;
- Lưu HS.

**T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa**

Hoàng Thị Ái

